TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HSST

Ngày: 06-02-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hổ

Ông Trần Văn Hưng

-Thư ký phiên toà: Ông Lê Hoàng Út - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Phan Thanh Vàng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

BÙI VIỄN P, sinh năm 1985 tại Bến Tre; Nơi cư trú: Số 474C, khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: mua bán; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông Bùi Xuân H, sinh năm 1955 và bà Võ Thị T, sinh năm 1961; Vợ: Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1990; Có 01 người con sinh năm 2014; Tiền án: Tại bản án số 168/HSST ngày 24/12/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã xử phạt bị cáo 12 năm tù về tội "Giết người" theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự, Tại bản án số 11/2015/HSST ngày 06/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đã xử phạt bị cáo 02 năm 6 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/11/2017 cho đến nay. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Luật sư Lê Văn L – Văn phòng Luật sư Chiến L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre.

- *Người làm chứng:*

Phạm Thị Kiều N, sinh năm: 1991;

Nơi cư trú: ấp M, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- *Người chứng kiến:*

1. Nguyễn Văn T, sinh năm: 1970;

Nơi cư trú: Số 361A, khu phố B, Phường S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

2. Võ Minh T, sinh năm: 1960;

Nơi cư trú: Số 71D, khu phố B, Phường S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 01/11/2017, lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố B kết hợp Công an phường S, thành phố B tiến hành kiểm tra hành chính phòng trọ số 15, nhà trọ số 117A, khu phố B, Phường S, thành phố B do Phạm Thị Kiều N thuê để ở. Tại thời điểm kiểm tra, trong phòng số 15 ngoài Phạm Thị Kiều N còn có Bùi Viễn P đang ở. Qua kiểm tra, lực lượng Công an phát hiện trên người của Bùi Viễn P và khu vực xung quanh trong và ngoài phòng trọ số 15 có nhiều túi nylon chứa nhiều viên nén màu xanh và tinh thể màu trắng nghi là ma túy và P khai nhận là của P cất giấu để sử dụng nên lực lượng Công an tiến hành lập biên bản phạm pháp quả tang đối với Bùi Viễn P và thu giữ tang vật.

Vật chứng thu giữ:

Thu trong túi quần Jean phía trước bên phải của P đang mặc: 01 túi nylon màu trắng, trên miệng túi có rãnh dán và vạch màu xanh, bên trong có 10 viên nén màu xanh nghi là ma túy (Sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì kí hiệu M1).

Thu trên nền gạch trong phòng trọ số 15:

- 01 giỏ xách màu xám đen, bên trong có: 01 túi nylon màu trắng, trên miệng túi có rãnh dán và vạch màu đỏ, bên trong có 187 viên nén màu xanh nghi là ma túy (Sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì kí hiệu M2); 01 vỏ bao thuốc lá hiệu 555, bên trong có: 01 túi nylon màu trắng, trên miệng túi có rãnh dán và vạch màu đỏ, bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy (Sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì kí hiệu M3).

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen.

- 01 chai nhựa màu trắng có chữ Lavie nắp màu xanh, trên nắp có gắn 01 ống thủy tinh và ống hút nhựa màu trắng.

- Tiền Việt Nam: 16.500.000 đồng.

Thu trên hông phải của tủ vải trong phòng trọ số 15: 01 túi nylon màu trắng, trên miệng túi có rãnh dán và vạch màu đỏ, bên trong có chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy (Sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì kí hiệu M4) và 01 túi nylon màu trắng hàn kín, trên miệng túi có vạch màu xanh, bên trong có 01 viên nén màu xanh và 01 túi nylon hàn kín, bên trong có 02 viên nén màu xanh nghi là ma túy (Sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì kí hiệu M5).

Thu trong sọt rác để bên ngoài trước cửa phòng trọ số 15: 01 túi nylon màu trắng, trên miệng túi có rãnh dán và vạch màu đỏ, bên trong có 01 túi nylon màu trắng, trên miệng túi có rãnh dán và vạch màu đỏ, bên trong có chứa 50 viên nén màu xanh nghi là ma túy (Sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì kí hiệu M6) và 01 túi nylon màu trắng, trên miệng túi có rãnh dán và vạch màu đỏ, bên trong có 02 túi nylon gồm: 01 túi nylon màu trắng, trên miệng túi có rãnh dán và vạch màu đỏ, bên trong chứa tinh thể màu trắng và 01 túi nylon màu trắng, trên miệng túi có rãnh dán và vạch màu xanh, bên trong có túi nylon chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy (Sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì kí hiệu M7).

Tất cả 07 phong bì được niêm phong kí hiệu M1, M2, M3, M4, M5, M6 và M7 nêu trên đều có các chữ ký và ghi tên: Bùi Viễn P, Phạm Thị Kiều N, Nguyễn Văn T, Võ Minh T, Phan Nghĩa T và dấu tròn màu đỏ của Công an Phường S, thành phố B.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nhà của Bùi Viễn P ở số 474C, khu phố H, Phường T, thành phố B, lực lượng Công an tiếp tục thu giữ 01 túi nylon màu trắng, trên miệng túi có rãnh dán và vạch đỏ chạy ngang, bên trong có chất bột màu trắng nghi là ma túy nên tiến hành thu giữ (Sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì kí hiệu K, có các chữ ký và ghi tên: Bùi Viễn P, Vũ Anh K, Võ Thị T, Phan Nghĩa Tvà dấu tròn màu đỏ của Công an Phường T, thành phố B).

Qua làm việc, Bùi Viễn P khai nhận: các túi nylon chứa nhiều viên nén màu xanh, chất bột màu trắng và tinh thể màu trắng nêu trên là ma túy tổng hợp dạng thuốc lắc và ma túy đá của P cất giấu để sử dụng. P có được là do vào khoảng 15 giờ ngày 01/11/2017, P lên thành phố Hồ Chí Minh gặp và mua của một người tên M (không rõ họ và địa chỉ cụ thể) với giá 6.700.000 đồng rồi đem về phòng trọ số 15, nhà trọ số 117A, khu phố B, Phường S, thành phố B cất giấu, sau đó thì bị lực lượng Công an đến kiểm tra phát hiện và thu giữ toàn bộ tang vật như trên.

Theo Kết luận giám định số 3716/C54B ngày 03/11/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Gói ký hiệu M1: 10 viên nén tròn màu xanh rêu có logo "LV" được niêm phong gửi giám định là ma túy, có trọng lượng là 3,8779 gam, loại Methamphetamine và MDMA.

- Gói ký hiệu M2:

+ 167 viên nén màu xanh có hình vương miện được niêm phong gửi giám định không tìm thấy các chất ma túy và tiền chất theo Danh mục các chất ma túy và tiền chất của Nghị định 82/2013/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 19/7/2013 và Nghị định 126/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09/12/2015.

+ 20 viên nén màu xanh rêu có logo "LV" được niêm phong gửi giám định là ma túy, có trọng lượng là 7,3631 gam, loại Methamphetamine và MDMA.

- Gói ký hiệu M3: Tinh thể màu trắng được niêm phong gửi giám định không tìm thấy các chất ma túy và tiền chất theo Danh mục các chất ma túy và tiền chất của

Nghị định 82/2013/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 19/7/2013 và Nghị định 126/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09/12/2015.

- Gói ký hiệu M4: Chất màu trắng được niêm phong gửi giám định là ma túy, có trọng lượng là 1,9528 gam, loại Methamphetamine và Ketamine.

- Gói ký hiệu M5: Các viên nén màu xanh được niêm phong gửi giám định không tìm thấy các chất ma túy và tiền chất theo Danh mục các chất ma túy và tiền chất của Nghị định 82/2013/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 19/7/2013 và Nghị định 126/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09/12/2015.

- Gói ký hiệu M6: 50 viên nén màu xanh hình vương miện được niêm phong gửi giám định không tìm thấy các chất ma túy và tiền chất theo Danh mục các chất ma túy và tiền chất của Nghị định 82/2013/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 19/7/2013 và Nghị định 126/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09/12/2015.

- Gói ký hiệu M7: Tinh thể màu trắng được niêm phong gửi giám định là ma túy, có trọng lượng là 7,0710 gam, loại Methamphetamine.

- Gói ký hiệu K: Chất bột màu trắng mịn được niêm phong gửi giám định không tìm thấy các chất ma túy và tiền chất theo Danh mục các chất ma túy và tiền chất của Nghị định 82/2013/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 19/7/2013 và Nghị định 126/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09/12/2015.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKSTPBT ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Bùi Viễn P về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm m, p khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên toà:

Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị: áp dụng các điểm m, p khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Bùi Viễn P từ 07 đến 08 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 đề nghị:

-Tịch thu tiêu hủy 07 phong bì được niêm phong vụ số 3716/M1, 3716/M2, 3716/M3, 3716/M4, 3716/M6, 3716/M7, 3716/K ngày 03/11/2017 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh chứa chất ma túy còn lại sau giám định; 01 giỏ xách màu xám đen; 01 vỏ bao thuốc lá hiệu 555; 01 chai nhựa có chữ Lavie nắp màu xanh, trên nắp có gắn 01 ống thủy tinh và ống hút nhựa màu trắng.

- Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, số IMEO1: 357160081118763/01, số IMEI 2: 357161081118761/01.

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho ông Bùi Xuân H số tiền 16.500.000 đồng.

- Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Bùi Viễn P có lời khai vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 01/11/2017, khi bị cáo cùng Phạm Thị Kiều N đang ở phòng trọ số 15 nhà trọ số 117A thuộc khu phố B, Phường S, thành phố B thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố B kết hợp với Công an Phường S kiểm tra hành chính. Qua kiểm tra, lực lượng Công an phát hiện trên người của bị cáo và khu vực xung quanh trong và ngoài phòng trọ có nhiều túi ma túy nên đã lập biên bản phạm pháp quả tang và thu giữ tang vật, các chất ma túy cơ quan công an thu giữ là của bị cáo, bị cáo mua về để sử dụng. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo P phát biểu: đồng ý Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo P về tội danh "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Về những tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo P đồng ý với lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Về điều luật truy tố đối với bị cáo P theo quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có lợi hơn so với Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử lý đối với bị cáo. Mức án Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo P là quá nghiêm khắc, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức khởi điểm của khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên sơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Bùi Viễn P tại phiên tòa xác định số ma túy cơ quan Công an thu giữ ngày 01/11/2017 tại phòng trọ số 117, khu phố B, Phường S, thành phố B và nhà bị cáo tại Phường T, thành phố B là của bị cáo. Bị cáo mua từ một người tên M không rõ tên họ, địa chỉ ở Thành phố Hồ Chí Minh về để sử dụng, khi bị cáo chưa sử dụng thì bị bắt quả tang. Lời khai nhận đó phù hợp với lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, biên bản phạm pháp quả tang và kết luận giám định của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh. Các gói cơ quan Công an thu giữ tại phòng trọ ở khu phố B, Phường S, thành phố B kết quả giám định là ma túy loại Methamphetamine, MDMA và Ketamin có tổng trọng lượng là 20,2648 gam. Hành vi bị cáo mua ma túy về cất giấu để sử dụng theo quy định đó là hành vi tàng trữ trái phép các chất ma túy. Trước đó, bị cáo đã hai lần bị kết án về tội phạm do hành vi cố ý chưa được xóa án tích, nên lần thực hiện hành vi phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận biết rõ hành vi tàng trữ các chất ma túy là bị pháp luật nghiêm

cấm, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Với những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận bị cáo P phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" được quy định tại các điểm m, p khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự nơi bị cáo thực hiện tội phạm, nguyên nhân phát sinh các tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án kết án về tội giết người và tàng trữ trái phép chất ma túy chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng như thành khẩn khai báo, gia đình có công với cách mạng và nuôi con chưa thành niên theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét tính chất mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[5] Hành vi của bị cáo thực hiện trước ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành. Theo quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định mức hình phạt có lợi hơn so với quy định tại khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Do đó, cần áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo P.

[6] Hình phạt bổ sung: Xét về hoàn cảnh kinh tế, tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, xét thấy áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là không cần thiết nên không áp dụng.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 07 phong bì được niêm phong vụ số 3716/M1, 3716/M2, 3716/M3, 3716/M4, 3716/M6, 3716/M7, 3716/K ngày 03/11/2017 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh chứa chất ma túy còn lại sau giám định vật Nhà nước cấm lưu hành và 01 giỏ xách màu xám đen; 01 vỏ bao thuốc lá hiệu 555; 01 chai nhựa có chữ Lavie nắp màu xanh, trên nắp có gắn 01 ống thủy tinh và ống hút nhựa màu trắng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, số IMEO1: 357160081118763/01, số IMEI 2: 357161081118761/01 là tài sản của bị cáo không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

Đối với số tiền 16.500.000 đồng mà Cơ quan điều tra đã thu giữ là tiền của ông Bùi Xuân H là cha ruột của bị cáo, không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông H là phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[8] Lời phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo P về tội danh, điều luật truy tố, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo và việc xử lý vật chứng đối với vụ án là phù hợp với quy định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Lời phát biểu của người bào chữa cho bị cáo đồng ý với phát biểu của Kiểm sát viên về tội danh, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, điều luật áp dụng về tội danh đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị cáo P có 01 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự nhưng bị cáo lại có 02 tình tiết định khung ở khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, trọng lượng ma túy bị cáo tàng trữ đến hơn 20 gam, do đó đề nghị áp dụng hình phạt ở mức khởi điểm của khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 là chưa tương xứng với tính chất mức độ của bị cáo gây ra trong vụ án này nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Mức đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng hình phạt đối với bị cáo từ 07 đến 08 năm tù so với khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo là quá nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Đối với đối tượng M bán ma túy cho P do không xác định được rõ họ tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra chưa tiến hành làm việc được, khi nào làm việc được đối với M sẽ xử lý sau.

[10] Đối với Phạm Thị Kiều N không biết việc P cất giữ chất ma túy nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Bùi Viễn P phải nộp theo quy định của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Bùi Viễn P phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

1. Áp dụng các điểm m, p khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo: Bùi Viễn P 06 (sáu) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 03/11/2017.

2. Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 07 (bảy) phong bì được niêm phong vụ số 3716/M1, 3716/M2, 3716/M3, 3716/M4, 3716/M6, 3716/M7, 3716/K ngày 03/11/2017 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh có chữ ký niêm phong của Giám định viên Hà Thị Phước Hiền và người chứng kiến Phạm Thanh Minh;

+ 01 (một) giỏ xách màu xám đen;

+ 01 (một) vỏ bao thuốc lá hiệu 555;

+ 01 (một) chai nhựa có chữ Lavie nắp màu xanh, trên nắp có gắn 01 ống thủy tinh và ống hút nhựa màu trắng.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Viễn P: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, số IMEO1: 357160081118763/01, số IMEI 2: 357161081118761/01.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/01/2018, hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý).

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trả lại cho ông Bùi Xuân Hòa 16.500.000 (mười sáu triệu, năm trăm ngàn) đồng.

3. Áp dụng Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Bùi Viễn P phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND phường T, thành phố B (1b);
- Bị cáo (1b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Văn Trình